

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2002/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ thường trú: Nhà không số, tổ 28, khu phố 3A, phường T, TP B, tỉnh Đ

- *Bị đơn*: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ thường trú: Nhà không số, tổ 28, khu phố 3A, phường T, TP B, tỉnh Đ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 131 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị T và ông Trần Văn Đ về việc “Ly hôn”.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Trần Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu Phương, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Trần Anh Đức, sinh 13/3/2013. Khi ly hôn, giao hai con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006771 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả bà T số tiền còn lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Ủy ban nhân dân xã Lai Thành, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Cẩm